



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **67**/CV-BXMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2019

Về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính
đã soát xét 6 tháng đầu năm 2019

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây**
2. Mã chứng khoán: **WCS**
3. Trụ sở chính: 395, Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.HCM
4. Điện thoại: (028) 38776594 Fax: (028) 38752853
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Văn Thành** – người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Nội dung công bố thông tin:
Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Địa chỉ Website của công ty đăng tải: www.bxmt.com.vn hoặc đường link <http://bxmt.com.vn/co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC.

NGUYỄN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 31



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần ba vào ngày 26 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 3 877 6594
- Fax : (028) 3 875 2853

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ (Bỏ nhiệm/ miễn nhiệm)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Thành viên
Ông Trần Văn Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 26/04/2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2019

48998
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẾN XE
MIỀN TÂY
QUẬN BÌNH TÂN
TP. HỒ CHÍ MINH



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 151/2019/BCSX-HCM.00342

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 07 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính cho kỳ tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2019

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326.382.545.200	306.607.967.778
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	49.321.530.157	16.863.948.714
Tiền	111		5.821.530.157	16.863.948.714
Các khoản tương đương tiền	112		43.500.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		256.900.000.000	241.723.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	256.900.000.000	241.723.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.007.639.012	45.414.442.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.456.319.286	10.658.330.642
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.056.910.823	1.123.602.165
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	4.494.408.903	3.632.510.051
Hàng tồn kho	140	5.7	68.165.200	117.589.272
Hàng tồn kho	141		68.165.200	117.589.272
Tài sản ngắn hạn khác	150		85.210.831	2.488.986.934
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	85.210.831	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	2.488.986.934
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.394.059.625	21.762.092.481
Tài sản cố định	220		20.431.903.113	20.721.193.391
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	20.331.403.113	20.600.593.391
Nguyên giá	222		71.421.096.431	69.317.372.606
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.089.693.318)	(48.716.779.215)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	100.500.000	120.600.000
Nguyên giá	228		2.902.189.390	2.902.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.801.689.390)	(2.781.589.390)
Tài sản dở dang dài hạn	240		710.938.350	610.259.308
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	710.938.350	610.259.308
Tài sản dài hạn khác	260		251.218.162	430.639.782
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	251.218.162	430.639.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.776.604.825	328.370.060.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		125.449.071.822	38.114.407.786
Nợ ngắn hạn	310		120.959.201.283	33.774.854.747
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	938.420.589	1.110.507.776
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	142.917.869	724.386
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.815.939.135	5.332.768.237
Phải trả người lao động	314		8.868.684.610	14.509.589.658
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	79.602.430	36.447.855
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	57.599.116.800	7.688.618.112
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	43.500.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	4.014.519.850	5.096.198.723
Nợ dài hạn	330		4.489.870.539	4.339.553.039
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	3.889.870.539	3.739.553.039
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.19	600.000.000	600.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.327.533.003	290.255.652.473
Vốn chủ sở hữu	410	5,20	222.327.533.003	290.255.652.473
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		93.033.972.880	86.345.812.880
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.293.560.123	178.909.839.593
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		85.159.839.593	143.510.263.060
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		19.133.720.530	35.399.576.533
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.776.604.825	328.370.060.259

LÊ NGỌC ĐOAN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2019

N:030
TRÁC
K
AF
17

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

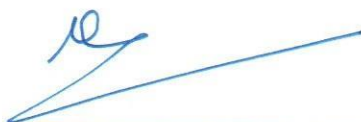
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		67.794.638.720	67.741.438.403
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	67.794.638.720	67.741.438.403
Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.585.690.475	30.719.096.738
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.208.948.245	37.022.341.665
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.165.912.503	8.964.566.542
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	6.070.050.932	6.151.422.181
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.304.809.816	39.835.486.026
Thu nhập khác	31	6.5	1.807.419.667	1.526.124.934
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		1.807.419.667	1.526.124.934
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.112.229.483	41.361.610.960
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	8.465.598.953	8.295.430.116
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.646.630.530	33.066.180.844
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	11.329	11.213



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THÙA
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2019

0448
CÔNG
NHIỆM
M T
VIỆT
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	42.112.229.483	41.361.610.960
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.545.549.103	2.468.408.629
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	03	-	-
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.171.112.503)	(8.964.566.542)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	35.486.666.083	34.865.453.047
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(2.104.209.220)	(6.442.247.675)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	49.424.072	(15.883.600)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.600.516.240)	(9.844.636.291)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	94.210.789	(381.324.629)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.523.489.804)	(7.573.403.582)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.345.150.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.426.828.873)	(5.034.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	17.320.406.807	5.573.457.270
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.356.937.867)	(2.678.438.503)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.200.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(159.300.000.000)	(220.323.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	174.123.000.000	212.200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.165.912.503	8.964.566.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.637.174.636	(1.836.871.961)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	43.500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.500.000.000)	(5.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	32.457.581.443	(1.263.414.691)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	16.863.948.714	10.068.650.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	49.321.530.157	8.805.235.365

LÊ NGỌC ĐOAN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần ba vào ngày 26 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 170 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 169 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm phát sinh. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

95-C.1
TY
HỮU HẠN
AN
NAM
CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1 - 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	Việt Nam	Cổ đông lớn

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	956.970.530	1.120.251.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	4.864.559.627	15.743.696.771
Các khoản tương đương tiền – VND (*)	43.500.000.000	-
	49.321.530.157	16.863.948.714

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2019 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,5%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Thành	46.300.000.000	46.300.000.000	26.623.000.000	26.623.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tây Sài Gòn	71.000.000.000	71.000.000.000	73.500.000.000	73.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	18.300.000.000	18.300.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn	100.500.000.000	100.500.000.000	99.500.000.000	99.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Tân	20.800.000.000	20.800.000.000	25.100.000.000	25.100.000.000
	256.900.000.000	256.900.000.000	241.723.000.000	241.723.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 05 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5,45% - 7,25%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	354.273.181	156.353.718
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	-	26.086.000
Các tổ chức khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang FutaBusLines và các chi nhánh	6.459.834.038	7.713.793.750
Các khách hàng khác	2.642.212.067	2.762.097.174
	9.456.319.286	10.658.330.642

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	2.894.675.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quốc tế Việt Nhật	2.042.576.106	-
Công ty TNHH ĐTVT Xây dựng Châu Á Thái Bình Dương	-	1.021.416.461
Các nhà cung cấp khác	1.119.659.717	102.185.704
	6.056.910.823	1.123.602.165

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	30.000.000.000
	-	30.000.000.000

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV – lãi cho vay	-	-	168.020.000	-
Phải thu khác – tiền thưởng	49.145.449	-	657.167.937	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	4.007.186.854	-	2.088.572.114	-
Tạm ứng nhân viên	426.500.000	-	718.750.000	-
Phải thu khác	11.576.600	-	-	-
	4.494.408.903	-	3.632.510.051	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.559.200	-	85.534.000	-
Hàng hóa	12.606.000	-	32.055.272	-
	68.165.200	-	117.589.272	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Trang thiết bị	31.877.498	-
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	53.333.333	-
	85.210.831	-

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phần mềm diệt virus Kaspersky	-	2.308.500
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	251.218.162	428.331.282
	251.218.162	430.639.782

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	62.453.171.520	5.038.628.537	1.170.445.455	655.127.094	69.317.372.606
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.992.580.588	-	-	-	1.992.580.588
Mua sắm trong kỳ	227.003.237	36.675.000	-	-	263.678.237
Giảm do thanh lý	(41.715.000)	(62.000.000)	-	(48.820.000)	(152.535.000)
Tại ngày 30/06/2019	64.631.040.345	5.013.303.537	1.170.445.455	606.307.094	71.421.096.431
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	43.486.126.367	4.408.523.732	224.335.376	597.793.740	48.716.779.215
Khấu hao trong kỳ	2.155.995.750	293.814.419	58.522.272	17.116.662	2.525.449.103
Giảm do thanh lý	(41.715.000)	(62.000.000)	-	(48.820.000)	(152.535.000)
Tại ngày 30/06/2019	45.600.407.117	4.640.338.151	282.857.648	566.090.402	51.089.693.318
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	18.967.045.153	630.104.805	946.110.079	57.333.354	20.600.593.391
Tại ngày 30/06/2019	19.030.633.228	372.965.386	887.587.807	40.216.692	20.331.403.113
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	28.921.963.510	2.124.531.475	-	472.807.094	31.519.302.079

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	877.402.000	1.425.873.503	485.613.887	113.300.000	2.902.189.390
Tại ngày 30/06/2019	877.402.000	1.425.873.503	485.613.887	113.300.000	2.902.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	877.402.000	1.425.873.503	365.013.887	113.300.000	2.781.589.390
Khấu hao trong kỳ	-	-	20.100.000	-	20.100.000
Tại ngày 30/06/2019	877.402.000	1.425.873.503	385.113.887	113.300.000	2.801.689.390
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	-	-	120.600.000	-	120.600.000
Tại ngày 30/06/2019	-	-	100.500.000	-	100.500.000
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ Tăng TSCĐ VND	Giảm TSCĐ VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển khác VND	30/06/2019 VND
Công trình Mái che, cải tạo quây vé	-	94.808.987	-	-	-	94.808.987
Xây dựng phòng khách chờ xe và cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh công cộng	154.834.036	1.579.310.313	-	(1.688.275.440)	-	45.868.909
Mở rộng nhà xe 02 bánh	306.610.727	112.084.546	-	-	-	418.695.273
Cải tạo, sửa chữa khối văn phòng làm việc hiện hữu	41.541.818	2.750.636	-	-	-	44.292.454
Tư vấn lập đề xuất "Xây dựng Bến xe Miền Tây mới"	90.909.091	-	-	-	-	90.909.091
Khoan khảo sát địa kỹ thuật "Khu nhà xe thành lõi đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc"	16.363.636	-	-	-	-	16.363.636
Công trình cải tạo khu vực mặt tiền Bến xe	-	337.181.525	32.876.377	(304.305.148)	(65.752.754)	-
	610.259.308	2.126.136.007	32.876.377	(1.992.580.588)	(65.752.754)	710.938.350

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hòa Phú	4.294.000	7.552.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh	852.445.892	852.445.892
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Đô Thị Mới	40.000.000	40.000.000
Các nhà cung cấp khác	41.680.697	210.509.884
	<u>938.420.589</u>	<u>1.110.507.776</u>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	39.570.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vận Thông Mart	75.847.869	-
Các khách hàng khác	27.500.000	724.386
	<u>142.917.869</u>	<u>724.386</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	1.028.560.663	-	6.362.528.352	(6.294.739.621)	1.096.349.394	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.304.207.574	-	8.465.598.953	(8.523.489.804)	4.246.316.723	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(2.488.986.934)	4.495.566.211	(1.609.306.259)	397.273.018	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	576.878.320	(500.878.320)	76.000.000	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	5.332.768.237	(2.488.986.934)	19.903.571.836	(16.931.414.004)	5.815.939.135	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.112.229.483	41.361.610.960
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	215.765.284	115.539.623
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	42.327.994.767	41.477.150.583
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-
Thu nhập tinh thuế	42.327.994.767	41.477.150.583
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	8.465.598.953	8.295.430.116

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Quảng cáo Xuất Nhập Khẩu Khải Minh	21.818.181	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Tương Tác	16.322.728	27.291.562
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Viễn Thông Hòa Thuận Phát	36.625.157	9.156.293
Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn	4.836.364	-
	79.602.430	36.447.855

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Cổ tức phải trả	26.775.000.000	3.187.500.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline - Thu hộ tiền bán vé	30.542.500	9.243.500
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	25.725.000.000	3.062.500.000
Thu hộ tiền bán vé của các Doanh nghiệp vận tải Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang - Futa Buslines	4.392.850.000	939.695.000
Các đối tượng khác	675.724.300	448.432.712
Kinh phí công đoàn	-	41.246.900
	57.599.116.800	7.688.618.112

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan - Nhận ký quỹ dài hạn		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	44.985.000	41.985.000
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	12.530.000	13.770.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang - Futa Buslines	652.182.500	602.145.000
Các đối tượng khác	3.123.453.039	3.024.933.039
	3.889.870.539	3.739.553.039

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Vay ngân hàng - Ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	11.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tân	11.000.000.000	-
Ngân hàng Agribank chi nhánh Bến Thành	21.500.000.000	-
	43.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiết các khoản vay:**1. Hợp đồng tín dụng số 246/2019/3384896/HĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019:**

Số tiền vay	:	11.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay	:	Từ ngày 24/06/2019 đến ngày 08/07/2019.
Lãi suất vay	:	7% /năm. (Trả lãi cuối kỳ).
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp bằng chứng chỉ tiền gửi trị giá 11.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.
Số dư tại ngày 30/06/2019	:	11.000.000.000 VND.

2. Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3384896/HĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019:

Số tiền vay	:	11.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay	:	Từ ngày 24/06/2019 đến ngày 08/07/2019.
Lãi suất vay	:	7% /năm. (Trả lãi cuối kỳ).
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp bằng chứng chỉ tiền gửi trị giá 11.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Tân.
Số dư tại ngày 30/06/2019	:	11.000.000.000 VND

3. Hợp đồng tín dụng số 1920 – LAV – 201900054 ngày 24 tháng 06 năm 2019:

Số tiền vay	:	21.500.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay	:	Từ ngày 24/06/2019 đến ngày 03/07/2019.
Lãi suất vay	:	7% /năm. (Trả lãi cuối kỳ).
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 21.500.000.000 VND tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Bến Thành.
Số dư tại ngày 30/06/2019	:	21.500.000.000 VND.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay:

	01/01/2019	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	-	43.500.000.000	-	43.500.000.000
	-	43.500.000.000	-	43.500.000.000

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2019	Tăng quỹ	Sử dụng quỹ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	3.545.421.330	2.600.775.000	(5.199.753.333)	946.442.997
Quỹ phúc lợi	1.248.192.393	2.582.375.000	(903.100.540)	2.927.466.853
Quỹ thưởng người quản lý Công ty	302.585.000	162.000.000	(323.975.000)	140.610.000
	5.096.198.723	5.345.150.000	(6.426.828.873)	4.014.519.850



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.19 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 VND
Số đầu kỳ	600.000.000	800.000.000
Trích lập quỹ / (Hoàn nhập quỹ)	-	(200.000.000)
Số cuối kỳ	600.000.000	600.000.000

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2018	25.000.000.000	73.047.645.702	143.510.263.060	241.557.908.762
Lãi trong kỳ	-	-	33.066.180.844	33.066.180.844
Tạm trích lập quỹ:				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	6.224.600.000	(6.224.600.000)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(4.872.500.000)	(4.872.500.000)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(162.000.000)	(162.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư 30/06/2018	25.000.000.000	79.272.245.702	162.817.343.904	267.089.589.606
Lãi trong kỳ	-	-	33.424.655.045	33.424.655.045
Tạm trích lập quỹ:				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	7.073.567.178	(7.073.567.178)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(6.301.967.178)	(6.301.967.178)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(206.625.000)	(206.625.000)
Chia cổ tức	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Số dư 31/12/2018	25.000.000.000	86.345.812.880	178.909.839.593	290.255.652.473
Số dư 01/01/2019	25.000.000.000	86.345.812.880	178.909.839.593	290.255.652.473
Lãi trong kỳ	-	-	33.646.630.530	33.646.630.530
Tạm trích lập quỹ (*)				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	6.688.160.000	(6.688.160.000)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(5.162.750.000)	(5.162.750.000)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(162.000.000)	(162.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Công ty chia bổ sung cổ tức (**)	-	-	(93.750.000.000)	(93.750.000.000)
Số dư 30/06/2019	25.000.000.000	93.033.972.880	104.293.560.123	222.327.533.003

(*) Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 04 năm 2019, Công ty tạm phân phối 50% các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019.

(**) Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 04 năm 2019, công ty chia bổ sung cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước với số tiền chi trả là 100.000.000.000 đồng (tổng cộng mỗi cổ phiếu nhận 40.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế trích trước năm 2018 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	12.750.000.000	51%	12.750.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	2.505.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Các cổ đông khác	9.745.000.000	39%	9.745.000.000	39%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	15.406.360	15.277.274
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.779.232.360	67.726.161.129
	67.794.638.720	67.741.438.403

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	1.113.882.071	1.152.963.830
Công ty Cổ Phần Xe Khách Sài Gòn	348.697.538	512.799.548
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	70.458.296	51.752.729
	1.533.037.905	1.717.516.107

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn của hàng hóa	9.243.817	8.066.400
Giá vốn của dịch vụ	30.576.446.658	30.711.030.338
	30.585.690.475	30.719.096.738

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi	8.694.372.503	8.006.046.542
Lãi cho vay	471.540.000	958.520.000
	9.165.912.503	8.964.566.542

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.899.372.204	4.974.317.641
Chi phí khấu hao	152.206.158	156.971.658
Chi phí điện	214.118.055	190.961.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	804.354.515	829.171.323
	6.070.050.932	6.151.422.181

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	5.200.000	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	8.618.182	4.272.728
Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp khác	1.565.118.144	1.259.294.371
Thu nhập khác	228.483.341	262.557.835
	1.807.419.667	1.526.124.934



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.646.630.530	33.066.180.844
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.324.750.000)	(5.034.500.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.321.880.530	28.031.680.844
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.329	11.213

6.7 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	153.370.286	176.418.161
Chi phí nhân viên	28.155.404.199	28.523.009.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.545.549.103	2.468.408.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.214.600.226	3.955.452.220
Chi phí bằng tiền khác	1.586.817.593	1.747.230.818
	36.655.741.407	36.870.518.919

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	43.500.000.000	-
	43.500.000.000	-

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thù lao Hội Đồng Quản trị	518.400.000	475.000.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.860.702.350	2.007.965.184
	2.379.102.350	2.482.965.184

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Lãi cho vay	471.540.000	958.520.000
	Chi trả cổ tức	25.500.000.000	2.550.000.000
	Thu tiền gốc vay	(30.000.000.000)	-
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines			
	Cung cấp dịch vụ	1.113.882.071	1.152.963.830
	Thu hộ tiền bán vé	98.320.000	67.185.000
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn			
	Cung cấp dịch vụ	348.697.538	512.799.548
	Mua dịch vụ	2.894.675.000	288.796.364
Công ty Cổ phần Hòa Phú			
	Mua hàng	35.986.000	35.894.727
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn			
	Cung cấp dịch vụ	70.458.296	51.752.729

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Phải thu cho vay ngắn hạn	-	30.000.000.000
	Phải thu lãi cho vay	-	168.020.000
	Phải trả cổ tức	(26.775.000.000)	(3.187.500.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines			
	Phải thu thương mại	354.273.181	156.353.718
	Phải trả ngắn hạn khác	(30.542.500)	(9.243.500)
	Phải trả dài hạn khác	(44.985.000)	(41.985.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Trả trước người bán	2.894.675.000	-
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	39.570.000	-
	Phải trả dài hạn khác	(56.720.000)	(56.720.000)
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Phải trả thương mại	(4.294.000)	(7.552.000)
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Phải thu thương mại	-	26.086.000
	Phải trả dài hạn khác	(12.530.000)	(13.770.000)

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2019			
Phải trả người bán	938.420.589	-	938.420.589
Các khoản phải trả khác	5.099.116.800	3.889.870.539	8.988.987.339
	6.037.537.389	3.889.870.539	9.927.407.928
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	1.110.507.776	-	1.110.507.776
Các khoản phải trả khác	1.397.371.212	3.739.553.039	5.136.924.251
	2.507.878.988	3.739.553.039	6.247.432.027

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

iv. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019 VND	31/12/2018 VND	30/06/2019 VND	31/12/2018 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	9.102.046.105	10.475.890.924	9.102.046.105	10.475.890.924
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	354.273.181	182.439.718	354.273.181	182.439.718
Phải thu khác – bên liên quan				
Cho vay	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Lãi cho vay	-	168.020.000	-	168.020.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	256.900.000.000	241.723.000.000	256.900.000.000	241.723.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.321.530.157	16.863.948.714	49.321.530.157	16.863.948.714
Tổng cộng	315.677.849.443	299.413.299.356	315.677.849.443	299.413.299.356
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	81.680.697	250.509.884	81.680.697	250.509.884
Phải trả người bán – Bên liên quan	4.294.000	7.552.000	4.294.000	7.552.000
Các khoản phải trả khác	8.988.987.339	5.136.924.251	8.988.987.339	5.136.924.251
Tổng cộng	9.074.962.036	5.394.986.135	9.074.962.036	5.394.986.135

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.


Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

10 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.


LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập


NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2019

